

Bố Trạch, ngày 01 tháng 7 năm 2021

Số: 56/2021/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 147, Điều 157 và Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 7 Điều 26 và điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2021, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 173/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị D, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1974; nơi cư trú: thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Võ Bá H; địa chỉ: Số 07, đường H, Tổ dân phố 9, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quang D thống nhất trình bày khối tài sản chung của anh chị tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28, diện tích 4.863,3m² tại thôn N (trước đây là Thôn 1), xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số BV 331042 ngày 16/4/2015. Trong đó, diện tích đất ở 400m² trị giá 62.400.000 đồng, diện tích đất trồng cây lâu năm 4.463,3m² trị giá 89.266.000 đồng; các tài sản gắn liền với thửa đất là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 104,6m² trị giá 51.559.000 đồng, 149 cây Cao su sắp thu hoạch trị giá 54.832.000 đồng, 05 cây Bưởi trị giá 2.755.000 đồng, 01 cây Xoan trị giá là

559.000 đồng, 01 cây Mít trị giá 599.000 đồng. Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất là 261.970.000 đồng.

- Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28, diện tích 2.865m^2 , đất trồng cây lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331019 ngày 16/4/2015 trị giá 57.300.000 đồng và tài sản gắn liền với thửa đất là 250 cây Cao su sắp thu hoạch trị giá 92.000.000 đồng. Tổng trị giá đất và 250 cây Cao su là 149.300.000 đồng.

- Thửa đất số 79, tờ bản đồ số 28, diện tích $1.860,4\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331020 ngày 16/4/2015. Trị giá đất là 37.208.000 đồng.

- Thửa đất số 382, tờ bản đồ số 23, diện tích 10.645m^2 , đất trồng cây công nghiệp lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số P 924868 ngày 28/01/2000 trị giá 212.900.000 đồng và tài sản gắn liền với thửa đất là 650 cây Cao su đang thu hoạch trị giá 409.500.000 đồng. Tổng trị giá đất và 650 cây Cao su là 622.400.000 đồng.

- Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28, diện tích $8.224,9\text{m}^2$ tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331045 ngày 16/4/2015 trị giá 123.373.500 đồng và tài sản gắn liền với thửa đất là 280 cây Cao su sắp thu hoạch trị giá 76.544.000 đồng. Tổng trị giá đất và 280 cây Cao su là 199.917.500 đồng.

- Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 29, diện tích $5.675,8\text{m}^2$, đất trồng cây lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331044 ngày 16/4/2015. Trị giá đất 85.137.000 đồng.

- Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 29, diện tích 5.889m^2 , đất trồng cây lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331043 ngày 16/4/2015. Trị giá đất là 88.335.000 đồng.

- Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28, diện tích 4.813m^2 , đất trồng cây công nghiệp lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AQ 089005 ngày 09/12/2009. Trị giá đất là 72.195.000 đồng.

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.963m^2 , đất trồng cây công nghiệp lâu năm, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AQ 089006 ngày 09/12/2009. Trị giá đất là 76.593.000 đồng.

Trên các thửa đất số 34, 36, 53 và 54 có $6.404,2\text{m}^2$ trồng cây Keo khoảng 04 năm tuổi trị giá 21.678.000 đồng và $5.681,5\text{m}^2$ trồng cây Bạch đàn khoảng 04 năm tuổi trị giá 9.675.000 đồng.

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 29, diện tích $691,8\text{m}^2$, đất trồng lúa, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319916 ngày 25/4/2006. Trị giá đất là 7.600.000 đồng.

- Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 28, diện tích $872,3\text{m}^2$, đất trồng lúa, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319914 ngày 25/4/2006. Trị giá đất là 9.600.000 đồng.

- Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 28, diện tích $1.419,1\text{m}^2$, đất trồng lúa, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319915 ngày 25/4/2006. Trị giá đất là 15.600.000 đồng.

- Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 29, diện tích $3.428,5\text{m}^2$ (do bị sạt lở nên diện tích thực tế của thửa đất còn lại là 2.594m^2), đất trồng cây hàng năm khác, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình, đã được cấp GCNQSDĐ số AE 319917 ngày 25/4/2006. Trị giá đất là 28.534.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade mang BKS 73F1-108.49, số máy JF27E1519286, số khung RLHJF2704BY548379, ngày đăng ký lần đầu 11/01/2013 mang tên Trần Thị D trị giá 15.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang BKS 73F1-279.43, số máy 5C6J161678, số khung RC6J0FY161679, ngày đăng ký lần đầu 24/02/2016 mang tên Nguyễn Quang D trị giá 9.000.000 đồng.

Tổng trị giá khối tài sản chung của anh D, chị D là **1.709.742.500 đồng** (một tỷ bảy trăm linh chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quang D thống nhất thỏa thuận phân chia khối tài sản chung nói trên như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Quang D được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

+ Một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28 tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình có diện tích 2.952m^2 , có vị trí tiếp giáp (theo sơ đồ dự kiến tách thửa kèm theo) như sau: cạnh 1 - 2 giáp đường Hồ Chí Minh có kích thước 43,77m, cạnh 2 - 6 giáp phần đất giao chị D sử dụng có kích thước 51,86m, cạnh 6 - 7 giáp thửa đất số 55 của anh D, chị D có kích thước 56,69m, cạnh 7 - 1 giáp đất Nhà nước chưa giao sử dụng (BCS) có kích thước 70,21m, trong đó, đất ở diện tích 200m^2 trị giá 31.200.000 đồng, đất trồng cây lâu năm diện tích 2.752m^2 trị giá 55.040.000 đồng. Các tài sản gắn liền với phần đất anh D được sử dụng gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích $104,6\text{m}^2$ trị giá 51.559.000 đồng; 40 cây Cao su sắp thu hoạch trị giá 14.720.000 đồng; 05 cây Bưởi trị giá 2.755.000 đồng; 01 cây Mít trị giá 599.000 đồng, 01 cây Xoan trị giá 559.000 đồng.

+ Thửa đất số 382, tờ bản đồ số 23, diện tích 10.645m^2 đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số P 924868 ngày 28/01/2000, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với thửa đất là 650 cây Cao su đang thu hoạch. Trị giá đất và 650 cây Cao su là 622.400.000 đồng.

+ Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 28, diện tích $872,3\text{m}^2$ đất trồng lúa, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319914 ngày 25/4/2006, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất 9.600.000 đồng.

+ Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 29, diện tích $3.428,5\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319917 ngày 25/4/2006 tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Diện tích thực tế của thửa đất là 2.594m^2 (giảm diện tích do sạt lở). Trị giá thửa đất là 28.534.000 đồng.

+ Thửa đất số 99 tờ bản đồ số 28, diện tích 2.865m^2 đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331019 ngày 16/4/2015, tại thôn N, xã

P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với thửa đất là 250 cây Cao su sắp thu hoạch. Trị giá đất và 250 cây Cao su là 149.300.000 đồng.

+ Thửa đất số 79 tờ bản đồ số 28, diện tích 1.860,4m² đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331020 ngày 16/4/2015, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 37.208.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang BKS 73F1-279.43, số máy 5C6J161678, số khung RC6J0FY161679, ngày đăng ký lần đầu 24/02/2016, mang tên Nguyễn Quang D trị giá 9.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất mà anh D được giao sở hữu, sử dụng là **1.012.474.000 đồng** (một tỷ không trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

- Giao cho chị Trần Thị D được sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

+ Một phần thửa đất số 56, tờ bản đồ số 28 với diện tích là 1.911,3m², có vị trí tiếp giáp (theo sơ đồ dự kiến tách thửa kèm theo) như sau: cạnh 2 - 3 tiếp giáp đường Hồ Chí Minh có kích thước 43,75m, cạnh 3 - 4 tiếp giáp đất Nhà nước chưa giao sử dụng (BCS) có kích thước 8,04m, cạnh 4 - 5 tiếp giáp thửa đất trồng cây lâu năm số 53 (CLN 53) có kích thước 29,73m, cạnh 5 - 6 tiếp giáp thửa đất số 55 của anh D, chị D có kích thước 43,75m, cạnh 6 - 2 tiếp giáp phần đất giao anh D sử dụng có kích thước 51,86m, trong đó, đất ở diện tích 200m² trị giá 31.200.000 đồng, đất trồng cây lâu năm diện tích 1.711,3m² trị giá 34.226.000 đồng. Tài sản gắn liền phần đất giao chị D sử dụng là 109 cây Cao su sắp thu hoạch trị giá 40.112.000 đồng.

+ Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 28, diện tích 8.224,9m² đất trồng cây công nghiệp lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331045 ngày 16/4/2015, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình và tài sản gắn liền với thửa đất là 280 cây Cao su sắp thu hoạch. Trị giá đất và 280 cây Cao su là 199.917.500 đồng.

+ Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 29, diện tích 5.675,8m² đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331044 ngày 16/4/2015, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 85.137.000 đồng.

+ Thửa đất số 36, tờ bản đồ số 29, diện tích 5.889m² đất trồng cây lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số BV 331043 ngày 16/4/2015, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 88.335.000 đồng.

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 28, diện tích 4.813m² đất trồng cây công nghiệp lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AQ 089005 ngày 09/12/2009 tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 72.195.000 đồng.

+ Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 28, diện tích 6.963 m² đất trồng cây công nghiệp lâu năm, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AQ 089006 ngày 09/12/2009, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 76.593.000 đồng.

Giao cho chị D được sở hữu những tài sản gắn liền trên các thửa đất số 34, 36, 53 và 54 gồm có 6.404,2m² trồng cây Keo trị giá 21.678.000 đồng và 5.681,5m² trồng cây Bạch đàn trị giá 9.675.000 đồng.

+ Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 29, diện tích 691,8m² đất trồng lúa, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319916 ngày 25/4/2006, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 7.600.000 đồng.

+ Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 28, diện tích 1.419,1m² đất trồng lúa, đã được UBND huyện B cấp GCNQSDĐ số AE 319915 ngày 25/4/2006, tại thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Trị giá thửa đất là 15.600.000 đồng.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade mang BKS 73F1-108.49, số máy JF27E1519286, số khung RLHJF2704BY548379, ngày đăng ký lần đầu 11/01/2013, mang tên Trần Thị D, trị giá 15.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung mà chị D được sở hữu, sử dụng theo hiện vật là **697.268.500 đồng** (*sáu trăm chín mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

Đáng lẽ anh Nguyễn Quang D có trách nhiệm giao cho chị Trần Thị D số tiền chênh lệch chia tài sản là 157.602.750 đồng (*một trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận anh D chỉ giao cho chị D **138.600.000 đồng** (*một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng*) tiền chênh lệch chia tài sản chung. Thời gian giao tiền chênh lệch chia tài sản chung là 01 (một) tháng kể từ ngày 23/6/2021.

Sau khi Quyết định này có hiệu lực pháp luật, các bên đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.900.000 đồng. Mỗi người phải chịu 2.950.000 đồng tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chị D đã nộp 4.700.000 đồng, anh D đã nộp 1.200.000 đồng. Anh D có trách nhiệm hoàn trả cho chị D số tiền **1.750.000 đồng** (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày cuối cùng thỏa thuận giao tiền chênh lệch chia tài sản (ngày 23/7/2021) và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền chi phí tố tụng phải hoàn trả) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Chị Trần Thị D phải chịu án phí chia tài sản là 18.538.027 đồng (*mười tám triệu năm trăm ba mươi tám nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 6.250.000 đồng (*sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000414 ngày 07/7/2020. Số tiền án phí còn lại mà chị D phải nộp là 12.288.027 đồng (*mười hai triệu hai trăm tám mươi tám nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*), để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Anh D phải chịu án phí chia tài sản trên tổng giá trị tài sản được hưởng là 19.108.110 đồng (*mười chín triệu một trăm linh tám nghìn một trăm mười đồng*), để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu